TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2023
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh

2. Ông Trần Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Diệp Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Diệp Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2010 tại UBND xã NL, huyện S. Sau ngày cưới vợ chồng chị về làm ăn sinh sống tại thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T.

Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Chị không có yêu cầu gì về cấp dưỡng.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Trần Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại NH, xã NL, huyện S, tỉnh T. Theo lời khai của bà Tạ Thị H là mẹ đẻ của anh T thì anh T và chị Ba tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống, làm ăn tại thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc bình thường. Sau đó đến khoảng vài năm gần đây thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là gì thì bà không nắm rõ, hai anh chị sống ly thân từ được khoảng 02 năm nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, anh T đi làm ăn xa, chỉ ngày lễ, tết mới về qua nhà, thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình nhưng bà không nắm rõ địa chỉ mới của anh T nên không cung cấp cho Tòa án được. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa và có thông báo cho anh T biết về việc chị B có đơn xin ly hôn và Tòa án đang giải quyết nhưng anh T không về được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T và chị B có hai người con chung tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012. Về tài sản, đất đai, công nợ chung giữa hai anh chị không có gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Diệp Thị B: Xử cho chị Diệp Thị B được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Giao cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012 cho chị Diệp Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị B không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Diệp Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Diệp Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn T, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh Trần Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã NL, huyện S, tỉnh T. Anh T đi làm ăn xa, thi thoảng có về nhà xong lại đi ngay; khi đi anh T không thông báo lại cho địa phương nên địa phương không nắm được địa chỉ làm việc cụ thể của anh Thắng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc cụ thể, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Trần Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Diệp Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị B và anh Trần Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2010 tại UBND xã NL nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của bà Tạ Thị H là mẹ đẻ của anh T thì vợ chồng anh chị B T sống ly thân được 02 năm nay không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Kết quả xác minh tại địa phương cũng cho thấy anh chị B và anh T sống ly thân khoảng 02 năm nay. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không tồn tại trong khoảng thời gian dài; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân

của chị Diệp Thị B và anh Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Thị B là xử cho chị B được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Ba và anh Thắng có 02 người con chung tên là Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ba có nguyện vọng muốn được nuôi con. Xét thấy hiện anh Trần Văn T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012 cho chị Diệp Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Diệp Thị B không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Diệp Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Thị B về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Diệp Thị B được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2011 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày .../.../2012 cho chị Diệp Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Diệp Thị B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002862 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Diệp Thị B và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thái Thịnh - Trần Văn Bút **Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã NL, huyện S;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm